

Tên chương trình: **Quản lý xây dựng**
Trình độ đào tạo: **Đại học hệ chính quy**
Ngành đào tạo: **Quản lý xây dựng**
Mã số: **7580302**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mô tả chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý Xây dựng trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và giám sát các dự án xây dựng. Sinh viên sẽ được học về kỹ thuật xây dựng, kinh tế xây dựng, quản lý dự án, pháp luật và hợp đồng xây dựng, kết hợp với thực hành thực tế và ứng dụng công nghệ hiện đại. Chương trình cũng chú trọng phát triển tư duy phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và quản lý thời gian, giúp sinh viên đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong ngành xây dựng năng động và nhiều thách thức.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **152** tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	39		39
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	9	113
- Kiến thức cơ sở ngành	32		32
- Kiến thức chuyên ngành	68	3	71
- Thực tập tốt nghiệp	4		4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế	6	6	6
Tổng khối lượng	143	9	152

4. Nội dung chương trình

4.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Stt	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
A	Lý luận chính trị				

Stt	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
1.	Triết học	3	3		
2.	Kinh tế chính trị	2	2		
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		
B	Khoa học xã hội và nhân văn				
6.	Pháp luật đại cương	2	2		
C	Ngoại ngữ				
7.	Anh văn căn bản 1	3	3		
8.	Anh văn căn bản 2	3	3		
9.	Anh văn căn bản 3	3	3		
D	Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên				
10.	Tin học căn bản	3	3	1	
11.	Lý thuyết xác suất thống kê toán	2	2		
12.	Kinh tế học đại cương	2	2		
13.	Vật lý đại cương	1		1	
E	Giáo dục thể chất				
14.	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	
15.	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	
16.	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	
F	Giáo dục quốc phòng – An ninh				
17.	Giáo dục quốc phòng (*)	8	5	3	

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

4.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

TT	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
Phần kiến thức cơ sở ngành					
18.	Nhập môn ngành xây dựng	2	2		
19.	Hình hóa và vẽ kỹ thuật xây dựng	2	2		
20.	Hình họa & vẽ kỹ thuật - Thực hành	1		1	
21.	Kế toán trong xây dựng	2	2		
22.	Quản trị học xây dựng	2	2		
23.	Marketing xây dựng	3	2		
24.	Vật liệu Xây dựng	3	2		
25.	Vật liệu Xây dựng – Thực hành	1		1	

TT	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
26.	Cấu tạo kiến trúc	2	2		
27.	Trắc địa	2	2		
28.	Trắc địa - Thực hành	1		1	
29.	Cơ học đất và nền móng	3	3		
30.	Cơ học công trình	3	3		
31.	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	2		
32.	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	2		
33.	Khoa học quản lý	2	2		
<i>Phần kiến thức chuyên ngành</i>					
34.	Kết cấu công trình	3	3		
35.	Tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (Autocad 2D)	3		3	
36.	Kiến trúc công trình	3	3		
37.	Kiến trúc công trình - Đồ án	1		1	
38.	Quản trị tài chính xây dựng	2	2		
39.	Kế toán quản trị trong xây dựng	2	2		
40.	Máy xây dựng	2	2		
41.	Kỹ thuật thi công	3	3		
42.	Kỹ thuật thi công - Đồ án	1		1	
43.	Tổ chức thi công	3	3		
44.	Tổ chức thi công - Đồ án	1		1	
45.	Luật và các văn bản quy phạm pháp luật cho ngành xây dựng	2	2		
46.	Kinh tế xây dựng	3	2		
47.	Kinh tế xây dựng - Đồ án	1		1	
48.	Quản lý hợp đồng xây dựng	2	2		
49.	Quản lý chất lượng công trình	3	3		
50.	Thực tập ngành nghề	2	2		
51.	Dự toán công trình	2	2		
52.	Anh văn chuyên ngành xây dựng	3			
53.	Quản lý đấu thầu	2	2		
54.	Phân tích hoạt động và sản xuất kinh doanh xây dựng	2	2		
55.	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2	2		
56.	Quản lý rủi ro xây dựng	2	2		
57.	Bảo trì và sửa chữa công trình	2	2		
58.	Quản lý dự án	3	3		
59.	Quản trị chiến lược trong xây dựng	2	2		

TT	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
60.	Kỹ thuật an toàn lao động	2	2		
61.	Đánh giá tác động môi trường - XD	2	2		
62.	Quản trị nhân sự trong xây dựng	2	2		
63.	Mô hình thông tin công trình (BIM)	2	2		
64.	Mô hình thông tin công trình (BIM) – Thực hành	1		1	
<i>Học phần tự chọn chuyên ngành 1</i>					
65.	Kỹ thuật điện	2	2		
66.	Cấp - thoát nước	2	2		
67.	Quản lý đô thị	2	2		
Thực tập tốt nghiệp		4		4	
Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế					
68.	Khóa luận tốt nghiệp	6		6	
69.	Chuyên đề vật liệu mới	2	2		
70.	Chuyên đề kỹ thuật thi công	2	2		
71.	Đô thị thông minh	2	2		
72.	Chuyên đề quản lý dự án xây dựng	2	2		

Hiệu trưởng

Khoa